TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiến và ông Nguyễn Quang Hoàng.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà HĐơk Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy L, sinh năm 1985, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Thôn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Thúy L trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện đăng kết hôn với nhau vào ngày 30/5/2007 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống thuận hòa hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhau, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà L xét thấy không còn tình cảm với ông H nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho cho bà ly hôn ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Bà và ông H có hai con chung là Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 22/6/2008 và Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 22/6/2008. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông và bà Trần Thị Thuy L sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đến UBND xã Q, huyện K (cũ) để đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/5/2007. Quá trình chung sống, ông H xác định đôi lúc vợ chồng có xảy ra cãi vã, tuy nhiên ông cho rằng đó là những mâu thuẫn nhỏ không đáng kể. Việc bà L trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai về mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2021, vợ chồng thường xuyên xô xát lẫn nhau là không đúng. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H thì ông H không đồng ý ly hôn vì ông H vẫn còn tình cảm với bà L mâu thuẫn vợ chồng không có.

Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung là Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 22/6/2008 và Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 22/6/2008. Nếu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông H, ông H không đồng ý giao 02 con chung cho bà L nuôi dưỡng. Ông H có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Hiện ông H làm nông, thu nhập bình quân một năm 100.000.000 đồng và có đủ khả năng để nuôi 02 con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKSND khu vực 5 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Bị đơn cư trú tại xã K, tỉnh Đắk Lắk nên Toà án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tai Tòa án.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn bà Trần Thị Thúy L, bị đơn ông Nguyễn Thanh H là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thúy L, xử cho cho bà L ly hôn ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 22/6/2008 và Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 22/6/2008. Khi ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét 02 con chung đều có nguyện vọng muốn được ở với bà L và bà L có đủ điều kiện để nuôi con chung nên để đảm bảo quyền lợi cho các con chưa thành niên, cần giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Thúy L không yêu cầu ông Nguyễn Thanh H cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy L có đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Thanh H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn ông H có địa chỉ cư trú tại Thôn B, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Thôn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoai tai Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 -Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Thúy L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30/5/2007, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà L xác định vợ chồng ông bà hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Nay bà L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

Ông H xác định đôi lúc vợ chồng có xảy ra cãi vã, tuy nhiên giữa vợ chồng không có mâu thuẫn như bà L trình bày và ông H không đồng ý ly hôn với bà L.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, quá trình chung sống giữa bà L và ông H có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được vì ông bà không báo chính quyền địa phương.

Tại bản tự khai ngày 22/7/2025 của 02 con chung thể hiện quá trình chung sống giữa ông H, bà L có phát sinh mâu thuẫn cãi vã và xô xát nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H đã xảy ra mâu thuẫn ở mức độ trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Thúy L, cho bà L được ly hôn ông Nguyễn Thanh H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Thúy L có hai con chung Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 22/6/2008 và Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 22/6/2008.

Ông H và bà L đều có nguyện vọng nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung. Xét yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và điều kiện nuôi con chung của hai bên, để đảm bảo quyền lợi của con chung dưới 18 tuổi, căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Nguyễn Thanh H1 cho ông H nuôi dưỡng chăm sóc và giao cháu Nguyễn Thanh H2 cho bà L nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Thúy L và ông Nguyễn Thanh H không ai yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt vấn đề giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp nhận cho ly hôn giữa bà L và ông H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với việc nuôi con, xét đề nghị của Kiểm sát viên không phù hợp với tình hình thực tế và không đảm bảo quyền lợi của con chung dưới 18 tuổi nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tai Tòa án; các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thúy L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thúy L và ông Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 22/6/2008 cho ông Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Thanh H2, sinh ngày 22/6/2008 cho bà Trần Thị Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Thuy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Thúy L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 5766 ngày 15/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS khu vực;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Krông Ana;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên